TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÍ LINH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/ HNGĐ- ST
Ngày 21/6/2023
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phương Dung

2. Bà Vũ Thị Linh

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh Giao - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:* Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 236/2022/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Chị Trần Thị D, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Khu dân cư B, phường H, thành phố C, tỉnh H.

- *Người được ủy quyền của nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, thị xã Đ, tỉnh Q.

- *Bị đơn*: Anh Vũ Minh T, sinh năm 1969.

Nơi ĐKHKTT: Khu dân cư B, phường H, thành phố C, tỉnh H.

Chị D, chị Th vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt); anh T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D và anh Vũ Minh T kết hôn với nhau tự nguyện, được tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C (nay là phường H, thành phố C), tỉnh H. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn. Nay chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Vũ Hải Đ, sinh ngày 09/01/1999 và Vũ Hải K, sinh ngày 03/5/2005. Đối với con chung Vũ Hải Đ, sinh ngày 09/01/1999 đã trưởng thành đủ 18 tuổi khỏe mạnh bình thường chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung Vũ Hải Khoa, sinh ngày 03/5/2005 chị đề nghị Tòa án giao cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với anh T.

Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Vũ Minh T trình bày: Anh và chị D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện C (nay là phường H, thành phố C), tỉnh H. Anh chị được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Ban đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Chị D đi lao động tại Đ 6 năm, anh ở nhà nuôi dạy 2 con. Nay chị D xin ly hôn anh, quan điểm của anh là không đồng ý ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Tđã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh Vũ Minh T chỉ trình bày ý kiến quan điểm như trên ngoài ra không trình bày gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có gửi công văn đến cục xuất nhập cảnh - Bộ Công an yêu cầu cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của chị Trần Thị D và anh Vũ Minh T thì được trả lời tại công văn số 6401/QLXNC-P5: Theo Cục quản lý xuất nhập cảnh quản lý: trường hợp Vũ Minh T, sinh ngày 01/01/1969, CCCD số: 030069015979, hộ khẩu thường trú khu dân cư B, phường H, thành phố C, tỉnh H đã sử dụng hộ chiếu C9616772, để xuất cảnh ngày 02/02/2023 qua của khẩu N, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Trường hợp Trần Thị D, sinh ngày 16/01/1976 tại Hải Dương, CCCD số: 030176000687, hộ khẩu thường trú khu dân cư B, phường H, thành phố Chí L, tỉnh H đã sử dụng hộ chiếu C26119866, để xuất cảnh ngày 16/12/2022 qua của khẩu N, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại công văn số 10584/QLXNC-P5: Theo Cục quản lý xuất nhập cảnh quản lý: Trường hợp Trần Thị D, sinh ngày 16/01/1976 tại Hải Dương, CCCD số: 030176000687, hộ khẩu thường trú khu dân cư B, phường H, thành phố C, tỉnh H đã sử dụng hộ chiếu C26119866, để xuất cảnh hồi 17 giờ 48 phút ngày 16/12/2022 qua của khẩu N, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Ông L - bố đẻ anh T- trình bày và xác nhận: Anh T và chị D là con trai và con dâu ông, anh chị ở cạnh nhà ông tại khu dân cư B, phường H, thành phố Chí

Linh, tỉnh H. Tháng 02 năm 2023 anh T đã đi Đ làm ăn. Anh T chị D đều đi làm ăn không có nhà. Cháu Vũ Hải K là con trai anh chị đang ở cùng ông, do ông chăm sóc và nuôi dạy. Anh T vẫn liên lạc về cho gia đình, ông có thông báo cho anh T về việc Tòa án có tống đạt các văn bản, tài liệu cho anh T . Nếu anh chị ly hôn anh T được nuôi con chungVũ Hải K thì ông vẫn tiếp tục chăm sóc cháu.

Qua xác minh với trưởng khu dân cư B, phường H xác định: Chị D và anh Tlà công dân của khu dân cư, anh chị có đăng ký hộ khẩu và sinh sống tại khu dân cư. Qúa trình chúng ống anh chị có mâu thuẫn bất đồng, nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm được. Anh chị có 2 con chung là Vũ Hải Đ, sinh ngày 09/01/1999 và Vũ Hải K, sinh ngày 03/5/2005. Hiện tại cháu Đ đã trưởng thành trên 18 tuổi, cháu K đang ở cùng anh T và ông nội.

Tại phiên tòa:

Chị D, người đại diện theo ủy quyền của chị D và anh T đều vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nhiều lần, không có lý do nên đã không chấp hành các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Trần Thị D được ly hôn với anh Vũ Minh T; về con chung, cả hai con chung của anh chị là Vũ Hải Đ, sinh ngày 09/01/1999 và Vũ Hải K, sinh ngày 03/5/2005 đều đã trưởng thành trên 18 tuổi khỏe mạnh bình thường, anh Tvà chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị Trần Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Trần Thị D khởi kiện xin ly hôn đối với anh Vũ Minh T có địa chỉ cư trú tại phường H, thành phố C, mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án chị D, anh T đã xuất cảnh qua cửa khẩu N và hiện chưa có thông tin nhập cảnh, nhưng khi thụ lý vụ án chị D và anh T vẫn ở địa phương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Vũ Minh T là bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã có lời khai, chị D vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt và đã ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, thị xã Đ, tỉnh Q. Anh T vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị D và anh T.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D và anh Vũ Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Ngay từ khi bắt đầu sinh sống, anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp; hiện tại đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét mâu thuẫn vợ chồng chị D và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận cho chị D được ly hôn anh T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Cả hai con chung của anh chị là Vũ Hải Đ , sinh ngày 09/01/1999 và Vũ Hải K, sinh ngày 03/5/2005 đều đã trưởng thành trên 18 tuổi khỏe mạnh bình thường, anh T và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3]. Về quan hệ tài sản, nợ: Chị D và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Chị D là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị D .

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị D ly hôn anh Vũ Minh T .

- Về con chung: Cả hai con chung của anh chị là Vũ Hải Đ , sinh ngày 09/01/1999 và Vũ Hải K, sinh ngày 03/5/2005 đều đã trưởng thành trên 18 tuổi khỏe mạnh bình thường, anh T và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung: Không đặt giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị D đã nộp tạm ứng án phí theo biên

lai thu số AA/2020/0003218 ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Chí Linh;
- UBND phường Hoàng Tân, thành phố Chí Linh (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Vân Anh